

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 128/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa :

- **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị Đ – Sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn Phú B, xã Khánh P, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- **Bị đơn:** Anh Phan Ngọc T – Sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn Phú B, xã Khánh P, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 55 và các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 02 năm 2021;

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành 26 tháng 02 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đ-ơng sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm Thị Đ và anh Phan Ngọc T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể nh- sau:

2.1 Về con: Giao cháu Phan Ngọc Gia H, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2018 cho anh Phan Ngọc T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống và giao cháu Phan Ngọc Yên N, sinh ngày 23 tháng 4 năm 2020 cho chị Phạm Thị Đ được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Chị Đ và anh T không có nghĩa vụ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung. Về con riêng không ai có nên chị Đ và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.2. Về tài sản: Chị Phạm Thị Đ và anh Phan Ngọc T xác định không có tài sản chung và công nợ nên chị Đ, anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Chị Phạm Thị Đ nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí thuận tình ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0002304 ngày 17 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Hoàn trả lại cho chị Phạm Thị Đ số tiền 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí chị đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ-ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Yên Khánh.
- Chi cục THADS huyện Yên Khánh.
- UBND xã Khánh P.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Nhật Trung